

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HS-ST
Ngày 29-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Xuôi.

2/ Ông Thạch Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1989. Tên gọi khác: B.

Nơi cư trú: số 556A, đường Trần P, k 4, p 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1954 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1956; Vợ là Thái Thị D, sinh năm 1992. Con: có 01 người, sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thành Tr bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 31/7/2019 đến ngày 06/8/2019, áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 06/8/2019 đến ngày 16/11/2019, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C L, tỉnh Trà Vinh. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1/ Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1986. (Có mặt).

2/ Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1980. (Vắng mặt có lý do)

Cùng Nơi cư trú: ấp Phú Phong 2, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1986. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp L T, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1965. (Có mặt).

Nơi cư trú: K 4, P 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1990. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: K 8, P 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1993. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp L T, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

4/ Chị Thái Thị D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp P K, xã S L, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng:

1/ Ông Bùi Tấn C, sinh năm 1981. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

2/ Ông Lê Văn K1, sinh năm 1982. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp R S, xã Đ P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

3/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1991. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp P K, xã S L, huyện C T, tỉnh Trà Vinh.

4/ Ông Bùi Thái N, sinh năm 1990. (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: ấp Đ, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng: 01 (Một) đĩa DVD - R chứa nội dung trộm cắp tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo cáo trạng số 66/CT - VKSCL ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C L đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự cụ thể như sau: Vào ngày 26/6/2019, Nguyễn Thành Tr điện thoại cho người bạn tên T (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để rủ T đến nhà trọ Khởi Xuân, tọa lạc tại ấp R S, xã Đ P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh mà Tr đang thuê ở để chơi. Sau đó, Tr điều khiển xe mô tô biển số 84B1-70164 của Thái Thị D (là vợ của T), sinh năm 1992, nơi cư trú ấp P K, xã S L, huyện C T, tỉnh Trà Vinh đến khu vực sân vận động huyện C N, tỉnh Trà Vinh để rước T. Tối cùng ngày, Tr và T tổ chức nhậu tại nhà trọ Khởi Xuân, sau đó T nghỉ qua đêm tại đây. Đến khoảng 04 giờ, ngày 27/6/2019, Tr kêu T thức dậy để đi công chuyện. Tr điều khiển xe mô tô biển số 84B1-70164 chở T từ nhà trọ Khởi Xuân đến ngã ba xã B P thì rẽ phải về hướng thị trấn C L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh. Khi đến đoạn đường thuộc ấp Ng L C, xã B P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh thì Tr phát hiện có 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-354.76, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1084969, số khung 5P10CY084966 của Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1986, nơi cư trú ấp L T, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh dựng phía trước hàng rào nhà thuê nên dừng xe lại và kêu T chờ Tr đi công chuyện. Tr đi bộ đến nơi đậu xe, phát hiện xe có chìa khóa và

không có người trông giữ nên Tr dẫn xe ra Quốc Lộ 53 một đoạn rồi mở khóa đạp nổ máy xe chạy về nhà trọ Khởi Xuân cất giấu. Khi thấy Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B3-354.76 về thì T cũng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84B1-70164 theo sau về nhà trọ Khởi Xuân. Đến sáng cùng ngày, Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 63B3-354.76 đến thành phố T V cầm cho Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1990, nơi cư trú: K 8, p 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh được 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*). Số tiền cầm được, Tr trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 854/KL- ĐGTS ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C L, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-354.76, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1084969, số khung 5P10CY084966 của Nguyễn Tấn Đ, trị giá 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Về vật chứng: trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ và trao trả cho Nguyễn Tấn Đ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 63B3-354.76, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn xanh trắng, số máy 55P1084969, số khung 5P10CY084966 do Nguyễn Thanh T4 giao nộp.

Tiếp theo vào khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 02/7/2019, Nguyễn Thành Tr nhờ V (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) điều khiển xe mô tô chở Tr từ nhà trọ Khởi Xuân, tọa lạc tại ấp R S, xã Đ P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh đến khu vực ấp P P 2, xã B P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh để tìm bạn. Đến nơi V điều khiển xe trở về, Triệu tiếp tục đi bộ trên Quốc lộ 60 với mục đích tìm kiếm tài sản để lấy trộm. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi T đi đến trước nhà của Trần Thị Kim N, sinh năm 1986 và Nguyễn Thái L, sinh năm 1980, tọa lạc tại ấp P P 2, xã B P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh thì T phát hiện 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84S1-2388, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số loại Sirius của vợ chồng Trần Thị Kim N và Nguyễn Thái L đang dựng trước cửa nhà không có người trông coi. Tr đi đến dùng chìa khóa cũ đã chuẩn bị sẵn để mở khóa xe, lúc này phát hiện có người nên Tr bỏ đi. Khoảng 30 phút sau, Tr quay trở lại chỗ để xe trước đó, quan sát không thấy ai trông coi nên Tr dẫn xe mô tô biển kiểm soát 84S1-2388 ra Quốc lộ 60 khởi động và điều khiển xe chạy về nhà trọ Khởi Xuân để cất giấu. Tr kiểm tra bên trong cốp xe thì phát hiện 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Thị Kim N, 02 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thái L và số tiền 200.000 đồng. Đến 05 giờ, ngày 03/7/2019, Tr điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84S1-2388 đến phòng trọ của Nguyễn Thị T3 (là mẹ ruột của Tr), sinh năm 1965, nơi cư trú số 556A, đường T P, k 4, p 7, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh tại thành phố H C M để tiếp tục cất giấu. Tại đây, Tr đăng thông tin bán xe mô tô trộm được trên trang mạng “Chợ Tốt”, sau đó có người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) đồng ý mua xe nói trên với giá 6.200.000 đồng. Số tiền bán xe được Tr tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 732/KL-ĐGTS ngày 17/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C L, tỉnh Trà Vinh kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84S1-2388, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xám đen, số

loại Sirius của chị Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Thái L, trị giá 9.000.000đồng (Chín triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị can đã trả cho chị Trần Thị Kim N, số tiền 9.000.000đồng (Chín triệu đồng) để khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thành Tr thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút lấy trộm tài sản là chiếc xe gắn máy biển kiểm soát 63B3-354.76 và xe biển kiểm soát 84S1-2388 tổng giá trị tài sản hai chiếc xe mà bị cáo Tr lấy trộm của người bị hại có giá trị là 24.000.000đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) đúng như Cáo trạng số 66/CT-VKSCL ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh Trà Vinh truy đã tố bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị hại ông Nguyễn Tấn Đ, anh ông Nguyễn Thái L và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T4 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì. Chị Trần Thị Kim N có mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường và về trách nhiệm hình sự xử lý theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo Tr.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thành Tr xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

[2] Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Thành Tr tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy có đủ chứng cứ để xác định vào ngày 2/6/2019 tại ấp Ng L C, xã B P, huyện C L, tỉnh Trà Vinh bị cáo Nguyễn Thành Tr đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là chiếc xe gắn máy biển số 63B3-354.76 nhãn hiệu Exciter của anh Nguyễn Tấn Đ và vào ngày 02/7/2019 tại ấp P P 2, xã B P, huyện C L Tr đã lấy trộm chiếc xe biển kiểm soát 84S1-2388 của vợ chồng chị Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Thái L. Theo kết quả định giá trị tài sản thì tài sản mà bị cáo lấy trộm của người bị hại là 24.000.000đồng. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có năng lực trách nhiệm hình sự nhận biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật.

[3] Hành vi lén lút của bị cáo Tr nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại không những trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội ở địa phương. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp. Do đó cáo trạng số 66/CT-VKSCL ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Nguyễn Thành Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Tr thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội, tự nguyện khắc phục hậu quả, tự thú về hành vi phạm tội, bị cáo có con còn nhỏ, tài sản đã được thu hồi, Vị đại diện Viện kiểm sát phân tích đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Bị cáo Tr có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo Tr.

[5] Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Tr mức án tù đủ để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hành vi của chị Thái Thị D giao xe của mình cho bị cáo Nguyễn Thành Tr điều khiển nhưng không biết bị cáo Tr lấy xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Thanh T4 cầm xe do bị cáo Nguyễn Thành Tr trộm được, không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý. Riêng đối với người tên V và N, người thanh niên mua xe do bị cáo Tr bán, Cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên chưa xử lý.

[6] Về dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại anh Nguyễn Tấn Đ và ông Nguyễn Thái L vắng mặt; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt không yêu cầu bồi thường, do tài sản đã được trả lại cho những người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị Kim N có mặt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T3 và chị Thái Thị Di và ông Nguyễn Thanh T4 không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét và chị N có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Tr.

[7] Về vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án gồm: 01 (Một) đĩa DVD- R chứa nội dung trộm cắp tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2017.

[8] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thi, miễn, giảm, thu thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành Tr 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 31/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được trả lại cho người bị hại chị Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Tấn Đ.

- Do những người bị hại gồm: Chị Trần Thị Kim N, ông Nguyễn Thái L và ông Nguyễn Tấn Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

- Do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị T3 và ông Nguyễn Thanh T4 không có yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án gồm: 01 (Một) đĩa DVD- R chứa nội dung trộm cắp tài sản ngày 02 tháng 7 năm 2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện C L;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Cơ quan CSĐTCA huyện C L;
- Cơ quan THAHSCA huyện C L;
- Nhà tạm giữ CA huyện C L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên